|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO**  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN: HÓA HOC 8**  ***(Thời gian làm bài 45 phút)*** |

**A. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng** | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng thấp** | | **Vận dụng ở mức cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | | **TL** | |
| **1. Oxi – không khí. (9T)** | -Phương pháp điều chế khí oxi.  - Phân biệt được oxit axit và oxit bazơ.  -Thành phần của không khí. | | - Phân biệt được phản ứng phân hủy, phản ứng hóa hợp.  - Viết được phương trình phản ứng của oxi với các chất. | | |  | | - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các vấn đề trong thực tế. | |  | | | |
| Số câu hỏi | **2** |  | **2** |  | |  |  |  | **1** | **4** | | | **1** |
| Số điểm | **0,8** |  | **0,8** |  | |  |  |  | **1** | **1,6** | | | **1** |
| **2. Hidro – Nước. (15T)** | - Biết được tính chất của hidro.  - Điều chế hidro**.**  **-** Phân biệt axit, bazơ và muối | | -Biết các chất tác dụng với nước. | | | *-*Tính được thể tích khí và khối lượng sản phẩm tạo thành.  (ko cho dạng dư) | |  | |  | | | |
| Số câu hỏi | **4** |  | **1** | |  |  | **3 ý** |  |  |  | **3 ý** | | |
| Số điểm | **1,6** |  | **0,4** | |  |  | **1,6** |  |  | **2,0** | **2,6** | | |
| **3. Dung dịch (8T)** | - Khái niệm dung dịch, độ tan, công thức tính nồng độ phần trăm, nồng độ mol. | | -Tính được khối lượng chất tan trong dung dịch khi biết nồng độ. | | | tính được nồng độ phần trăm. | |  | |  | | | |
| Số câu hỏi | **4** |  | **2** | |  |  | **1 ý** |  | **1** | **6** | **1 ý** | | |
| Số điểm | **1,6** |  | **0,8** | |  |  | **0,4** |  | **1** | **2,4** | **0,4** | | |
| **Tổng số câu** | **10** |  | **5** | |  |  | **1** |  | **1** | **15** | **6 ý,1** | | |
| **Tổng số điểm** | **4,0 đ** |  | **2,0đ** | |  |  | **2,0đ** |  | **1,0đ** | **6 đ** | **4đ** | | |
| **40%** | | **30%** | | | **20%** | | **10%** | | **60%** | **40%** | | |

**B. ĐỀ BÀI**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (6,0 điểm )**

**Khoanh tròn vào một chữ cái đứng đầu câu trả lời mà em cho là đúng**

**Câu 1**: Nhiệt phân các chất KClO3, KMnO4 ở nhiệt độ cao là phương pháp điều chế khí nào trong phòng thí nghiệm?

**A.** Khí oxi. **B.** Khí hidro. **C.** Khí nitơ. **D.** Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 2**: Phản ứng hóa học sau thuộc loại phản ứng hóa học nào?

**Na2CO3 + CO2 + H2O ⭢ 2NaHCO3**

**A.** Phản ứng hóa hợp. **B.** Phản ứng phân hủy.

**C.** Phản ứng thế. **D.** Phản ứng oxi hóa – khử.

**Câu 3**: Cho các chất có công thức hóa học sau: **HCl , CO2 , H3PO4 , P2O5 , CaO , HNO3 , Mg(OH)2 , CuSO4 ,** **Al2O3**. Số các hợp chất là oxit là:

**A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 4**: Phản ứng hóa học nào là phản ứng phân hủy trong các phản ứng sau?

**A.** Zn + 2HCl ⭢ ZnCl2 + H2. **B.** CO2 + CaO ⭢ CaCO3.

**C.** NaOH + HCl ⭢ NaCl + H2O. **D.** 2NaHCO3 ⭢ Na2CO3 + CO2+H2O.

**Câu 5**: Khí nào nhẹ nhất trong các chất khí sau:

**A.** O2. **B.** H2. **C.** CO2. **D.** N2.

**Câu 6**: Trong các chất sau: Na, P2O5, CaO, Na2O. Nước tác dụng được với chất nào tạo ra axit?

**A.** Na. **B.** Na2O. **C.** CaO. **D.** P2O5.

**Câu 7:** H2 KHÔNG tác dụng được với dãy chất nào ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Fe2O3 ; O2 ; CuO | B. CuO; Fe2O3; O2 ; PbO |
| C. MgO ; CuO; O2 ; SO2 | D. Fe2O3; Fe3O4; O2 |

**Câu 8:** Trong phòng thí nghiệm người ta điều chế khí Hiđro bằng cách:

A/ Điện phân nước C/ Sản xuất từ khí tự nhiên, khí dầu mỏ.

B/ Nhiệt phân KMnO4 D/ Cho axit (HCl; H2SO4 loãng) tác dụng với kim loại (Zn; Fe…)

**Câu 9.** Cho các chất sau: CuO, H2SO4, Ca(OH)2, KNO3, các chất được phân loại theo thứ tự:

A) Axit, bazơ, muối, oxit B) Oxit, axit, bazơ, muối

C) Bazơ, oxit, axit, muối D) Muối, axit, ba zơ, oxit.

**Câu 10**: Công thức tính nồng độ phần trăm của dung dịch là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 11**: Ở 200C, hòa tan 20,7g CuSO4 vào 100g nước thì được một dung dịch CuSO4 bão hò**A.** Vậy độ tan của CuSO4 trong nước ở 200C là:

**A.** 20g . **B.** 20,7g. **C.** 100g. **D.** 120,7g.

**Câu 12**: Hòa tan hoàn toàn 10g đường vào 190g nước thì thu được dung dịch nước đường có nồng độ bằng

**A.** 5,26%. **B.**10%. **C.** 5,0%. **D.** 20%.

**Câu 13**: Công thức tính nồng độ mol của dung dịch là:

**A.  B.** ******C.** **** **D.** ****

**Câu 14**: Độ tan của một chất là

**A.** Số gam chất đó tan trong 100g dung dịch.

**B.** Số gam chất đó tan trong 100 g nước**.**

**C.** Số mol chất đó tan trong 1 lít dung dịch.

**D.** Số gam chất đó tan trong 1 lít dung dịch.

**Câu 15**: Dung dịch là hỗn hợp

**A.** đồng nhất của dung môi và chất tan. **B.** của hai chất lỏng.

**C.** của nước và chất lỏng. **D.** của chất rắn trong chất lỏng.

**PHẦN II: TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

**Câu 1** *(1,0 điểm).* Lập phương trình hóa học cho các sơ đồ phản ứng sau:

1, H2 + ……… ⭬ H2O

2, CuO + H2 ⭬ ……… + H2O

3, Na + H2O ⭬ ……… + H2

4, CO2 + H2O ⭬ ………

5, Na2O + ……… ⭬ NaOH

**Câu 2** *(2,0 điểm).* Cho 4,6 gam kim loại natri tác dụng hết với 200 g nước**.**

1. Viết phương trình phản ứng xảy ra**.**

2. Tính thể tích khí H2 thu được (ở đktc)

3. Tính khối lượng bazơ tạo thành sau phản ứng.

4. Tính nồng độ phần trăm của dung dịch bazơ thu được sau phản ứng.

**Câu 3** *(1 điểm).* So sánh hiện tượng xảy ra khi đốt cháy lưu huỳnh trong không khí và trong bình oxy? Giải thích?

(Cho Na = 23, Fe =56, Zn = 65, Mg = 24, Cu = 64, H =1, O=16)

**C. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM** (6,0 điểm)

Mỗi ý đúng được 0,4 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đáp án | A | A | B | D | B | D | C | D | B | B | B | C | A | B | A |

**PHẦN II: TỰ LUẬN** (4,0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| Câu 1  *(1,0 điểm)* | Mỗi phương trình đúng được 0,4 điểm  1, 2H2 + O2 → 2H2O  2, CuO + H2 → Cu + H2O  3, 2Na + 2H2O → 2NaOH + H2  4, CO2 + H2O → H2CO3  5, Na2O + H2O → 2NaOH | 0,2 điểm  0,2 điểm  0,2 điểm  0,2 điểm  0,2 điểm |
| Câu 2  *(2,0 điểm)* | 1. Số mol Na tham gia phản ứng là:  PT: 2Na + 2H2O ⭢ 2NaOH + H2  Theo PT: 2 mol 2 mol 2mol 1 mol  Theo ĐB: 0,2 mol 0,2 mol 0,2 mol 0,1 mol  Vậy ta có:  2. Vậy thể tích khí H2 thu được ở đktc:    3. Theo PT:  Vậy khối lượng của NaOH:  4. Khối lượng dung dịch thu được sau phản ứng:  mdd = mnước + mNa - mkhí hidro = 200 + 6,9 – 0,3 = 206,6 (gam)  Nồng độ phần trăm của dung dịch sau phản ứng là: | 0,4 điểm  0,4 điểm  0,4 điểm  0,4 điểm  0,4 điểm |
| Câu 3  *(1 điểm)* | Giống: đều là sự đốt cháy lưu huỳnh, cho ngọn lửa màu xanh lam và có khí SO2 thoát ra.  Khác:   * Lưu huỳnh cháy trong không khí cho ngọn lửa nhỏ, màu xanh nhạt mờ. * Lưu huỳnh cháy trong bình khí oxy cho ngọn lửa lớn, ánh sáng xanh đậm và có khói trắng.   Nguyên nhân: do cháy trong bình oxi có hàm lượng oxi lớn hơn, làm sự cháy diễn ra mãnh liệt hơn so với ngoài không khí. | 0,4  0,2  0,2  0,2 |